



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2017



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty và Tập đoàn trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

### **Thông tin về Công ty**

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 26 tháng 4 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Các công ty con và công ty liên kết của Công ty được trình bày tại Phụ lục minh số 1.4 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát** **Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

### **Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức**

Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 3.472.021 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 3.047.844 triệu VND).

Ngày 17 tháng 2 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2016 cho các cổ đông theo tỷ lệ 50% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thường được nhận 5 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức). Phương án chi trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 10 tháng 3 năm 2017 và đã được thực hiện trong Quý 1 và Quý 2 năm 2017.

### **Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ**

Ngoài các sự kiện được trình bày tại Thuyết minh 45, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Đơn vị kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

**Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, 25-08-2017



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 70.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-074-2017-b



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2017

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Mẫu B 01a - DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/IT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>23.982.297.253.905</b>	<b>18.182.786.709.294</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>1.813.484.050.479</b>	<b>4.558.660.713.745</b>
Tiền	111		689.226.940.757	556.922.713.967
Các khoản tương đương tiền	112		1.124.257.109.722	4.001.737.999.778
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>7.814.578.768.230</b>	<b>693.498.769.815</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10.1	7.814.578.768.230	693.498.769.815
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.837.413.793.081</b>	<b>2.394.830.525.734</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.668.110.207.600	1.546.607.430.306
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		959.223.223.993	705.742.217.537
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	249.333.997.944	182.962.827.055
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(41.034.406.653)	(41.339.337.971)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.780.770.197	857.388.807
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>11.106.756.758.800</b>	<b>10.247.175.680.697</b>
Hàng tồn kho	141		11.253.553.910.153	10.391.475.894.874
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(146.797.151.353)	(144.300.214.177)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>410.063.883.315</b>	<b>288.621.019.303</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		50.777.705.427	24.180.135.532
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		331.776.321.629	255.637.124.321
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		27.509.856.259	8.803.759.450

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>15.680.187.074.885</b>	<b>15.043.765.608.591</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>23.035.305.536</b>	<b>18.173.189.031</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		2.500.000.000	2.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		20.535.305.536	15.673.189.031
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.527.280.251.353</b>	<b>12.670.459.873.438</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	12.342.636.307.484	12.487.811.189.623
<i>Nguyên giá</i>	222		19.631.309.626.465	18.855.209.473.822
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.288.673.318.981)	(6.367.398.284.199)
Tài sản cố định vô hình	227	14	184.643.943.869	182.648.683.815
<i>Nguyên giá</i>	228		220.973.667.282	215.970.717.186
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(36.329.723.413)	(33.322.033.371)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>196.718.868.716</b>	<b>202.756.917.580</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		245.628.493.960	245.628.493.960
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(48.909.625.244)	(42.871.576.380)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.951.183.464.168</b>	<b>1.154.980.172.259</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		12.356.406.897	47.019.409.284
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	1.938.827.057.271	1.107.960.762.975
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>33.823.661.785</b>	<b>78.864.136.876</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	10.2	3.121.533.420	3.271.387.743
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10.2	15.702.128.365	15.702.128.365
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	10.1	15.000.000.000	59.890.620.768
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>948.145.523.327</b>	<b>918.531.319.407</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	739.120.206.813	716.374.249.275
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	144.503.570.386	127.323.104.169
Lợi thế thương mại	269	19	64.521.746.128	74.833.965.963
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>39.662.484.328.790</b>	<b>33.226.552.317.885</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>16.723.038.709.594</b>	<b>13.376.291.239.921</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.754.306.629.937</b>	<b>11.985.020.235.150</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		3.606.821.099.502	3.733.634.506.722
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.041.670.122.560	1.036.123.955.455
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	511.351.455.746	744.422.755.457
Phải trả người lao động	314		147.489.747.162	262.345.657.297
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21.1	164.485.933.070	159.606.432.529
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		17.559.712.850	5.433.344.113
Phải trả ngắn hạn khác	319	22.1	117.508.892.437	140.603.236.406
Vay ngắn hạn	320	23.1	9.491.993.541.160	5.488.170.638.894
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	9.015.021.812	14.918.462.172
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	646.411.103.638	399.761.246.105
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>968.732.079.657</b>	<b>1.391.271.004.771</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	21.2	409.922.711.345	280.768.142.325
Phải trả dài hạn khác	337	22.2	122.606.067.822	118.559.169.199
Vay dài hạn	338	23.2	415.200.000.000	972.200.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		653.507.109	908.757.131
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	20.349.793.381	18.834.936.116
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>22.939.445.619.196</b>	<b>19.850.261.077.964</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>22.939.445.619.196</b>	<b>19.850.261.077.964</b>
Vốn cổ phần	411	27	12.642.554.170.000	8.428.749.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.642.554.170.000	8.428.749.560.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		674.149.437.068	674.149.437.068
Cổ phiếu quỹ	415		(1.375.020.000)	(1.093.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	520.253.104.213	1.156.415.747.213
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.000.683.439.863	9.486.351.633.348
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		5.528.662.450.644	3.317.122.322.348
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		3.472.020.989.219	6.169.229.311.000
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		103.180.488.052	105.687.700.335
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>39.662.484.328.790</b>	<b>33.226.552.317.885</b>

Người lập:

25 -08- 2017

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	21.195.991.672.404	15.400.473.917.376
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	319.154.842.761	209.837.449.603
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	20.876.836.829.643	15.190.636.467.773
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	16.224.381.072.975	11.188.262.749.786
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>4.652.455.756.668</b>	<b>4.002.373.717.987</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	106.154.188.523	113.034.627.821
Chi phí tài chính	22	34	258.300.092.855	188.837.770.692
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>213.764.841.662</i>	<i>148.371.369.786</i>
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		<i>(149.854.323)</i>	<i>(30.601.334)</i>
Chi phí bán hàng	25	35	330.891.124.579	197.038.927.854
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	132.371.448.730	159.024.214.496
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>4.036.897.424.704</b>	<b>3.570.476.831.432</b>
Thu nhập khác	31	37	195.803.796.263	228.450.003.281
Chi phí khác	32	38	181.936.776.215	205.776.885.203
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>13.867.020.048</b>	<b>22.673.118.078</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>4.050.764.444.752</b>	<b>3.593.149.949.510</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	594.399.156.821	596.542.852.376
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	40	(17.435.716.239)	(53.593.405.086)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>3.473.801.004.170</b>	<b>3.050.200.502.220</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (mang từ trang trước sang) (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.473.801.004.170	3.050.200.502.220
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		3.472.020.989.219	3.047.844.176.835
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.780.014.951	2.356.325.385
				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	2.747	2.411

25-08-2017

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Trang  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>4.050.764.444.752</b>	<b>3.593.149.949.510</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		956.832.088.988	785.868.912.753
Phân bổ lợi thế thương mại	02		10.312.219.835	10.891.064.138
Các khoản dự phòng	03		(2.158.788.575)	(46.817.051.176)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.877.905.384	15.132.197.385
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(53.395.411.025)	(91.685.275.922)
Chi phí lãi vay	06		213.764.841.662	148.371.369.786
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>5.181.997.301.021</b>	<b>4.414.911.166.474</b>
Biến động các khoản phải thu	09		44.049.283.482	150.517.249.927
Biến động hàng tồn kho	10		(827.452.801.554)	(1.340.011.970.796)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(138.214.461.361)	(316.049.450.312)
Biến động chi phí trả trước	12		8.439.537.797	131.581.015.610
			<b>4.268.818.859.385</b>	<b>3.040.948.010.903</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(213.802.763.003)	(150.412.187.505)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(876.633.681.901)	(366.492.126.000)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		4.055.188.280	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(181.850.347.508)	(107.155.680.914)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.000.587.255.253</b>	<b>2.416.888.016.484</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.209.598.784.815)	(999.893.803.089)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		5.728.222.196	20.877.282.205
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(7.121.079.998.415)	(771.204.691.059)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		44.890.620.768	1.020.926.567.537
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		80.677.132.637	78.538.486.778
Mua các công ty con (đã trừ đi số tiền của công ty con được mua)			-	(73.131.328.075)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(9.199.382.807.629)</b>	<b>(723.887.485.703)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		10.758.940.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		17.206.159.568.568	10.302.903.073.604
Tiền trả nợ gốc vay	34		(13.760.697.158.678)	(11.314.503.157.757)
Tiền trả cổ tức	36		(2.389.517.768)	(1.644.376.163)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.453.831.832.122</b>	<b>(1.013.244.460.316)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(2.744.963.720.254)</b>	<b>679.756.070.465</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>4.558.660.713.745</b>	<b>2.372.761.840.865</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(212.943.012)</b>	<b>(113.146.531)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>9</b>	<b>1.813.484.050.479</b>	<b>3.052.404.764.799</b>

25-08-2017

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Trang  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
 Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

### **1.2 Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình và trường học;
- Sản xuất và chế biến gỗ;
- Sản xuất sản phẩm cơ khí (chủ yếu là máy móc xây dựng, bàn ghế và tủ văn phòng);
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải và khai thác mỏ về phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế và quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox;
- Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu và chuyển giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao;
- Ủy thác xuất – nhập khẩu;
- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi bò;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; và
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

### **1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***1.4 Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT	Công ty con cấp 1	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn	
			30/6/2017	1/1/2017
1	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt.	99,96%	99,96%
2	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát (i)	Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỡ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại.	-	99,89%
3	Công ty CP Thép Hòa Phát	Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc.	99,998%	99,998%
4	Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%
5	Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất (ii)	Sản xuất sắt, thép, gang, khai thác quặng sắt; bán buôn kim loại và quặng kim loại; sản xuất mua bán than cốc và các ngành nghề liên quan khác.	100%	-
6	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,95%	99,94%
7	Công ty TNHH MTV Tôn Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh.	100%	100%
8	Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa.	99,72%	99,72%
9	Công ty CP Nội thất Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất.	99,60%	99,60%
10	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	99,67%	99,67%
11	Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng; đầu tư và xây dựng bộ hạ tầng kỹ thuật.	99,67%	99,67%
12	Công ty CP Golden Gain Việt Nam	Kinh doanh bất động sản.	99,99%	99,99%
13	Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; trồng trọt; các hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, sau thu hoạch; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	99,999%	99,999%





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 1		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017
<i>Công ty con của Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông</i>						
1	Công ty TNHH MTV Bình Vàng	Khai thác quặng sắt, khai thác kim loại khác không chứa sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý, khai thác quặng kim loại quý hiếm.	100%	100%	99,96%	99,96%
2	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	98,42%	98,42%	98,38%	98,38%
<i>Công ty con của Công ty CP Thép Hòa Phát</i>						
3	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát (i)	Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại.	99,89%	-	99,89%	-
<i>Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát</i>						
4	Công ty TNHH MTV Hòa Phát Bình Định	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%	100%	100%
<i>Công ty con của Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</i>						
5	Công ty TNHH Thép Cán nguội Hòa Phát	Sản xuất sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%	99,95%	99,94%
6	Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	100%	100%	99,95%	99,94%
7	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,98%	99,98%	99,93%	99,92%
8	Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Long An	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	100%	100%	99,95%	99,94%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 1		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017
<i>Công ty con của Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát</i>						
9	Công ty TNHH Chế tạo Máy xây dựng và Khai thác mỏ Hòa Phát	Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và khai thác mỏ; sản xuất động cơ, tua bin.	100%	100%	99,72%	99,72%
10	Công ty TNHH Chế tạo Cơ khí Hòa Phát	Sửa chữa và sản xuất các sản phẩm cơ khí; dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện.	99,90%	99,90%	99,62%	99,62%
<i>Công ty con của Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</i>						
11	Công ty Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Phố Nối A	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước và nhà hàng.	100%	100%	99,67%	99,67%
12	Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước.	100%	100%	99,67%	99,67%
<i>Công ty con của Công ty CP Golden Gain Việt Nam</i>						
13	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	Hoạt động thể thao, giải trí, tennis, cầu lông, bida, bơi, thể dục thể hình, games, bất động sản.	95,27%	95,27%	95,26%	95,26%
14	Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải khách liên tỉnh bằng ô tô, sửa chữa máy móc, thiết bị, dịch vụ lữ hành nội địa, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ đại lý vận tải và dịch vụ trông giữ xe ô tô, văn phòng, kho bãi và bất động sản.	99,90%	99,90%	99,89%	99,89%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 1		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017
<i>Công ty con của Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát</i>						
15	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Chăn nuôi trâu, bò; hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và sau thu hoạch.	99,90%	99,90%	99,899%	99,899%
16	Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	Chăn nuôi, cung cấp heo giống, heo thịt.	99,967%	99,95%	99,966%	99,949%
17	Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát	Sản xuất, buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	100%	100%	99,999%	99,999%
18	Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai	Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	100%	100%	99,999%	99,999%
19	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước	Chăn nuôi heo giống và heo thịt.	99,998%	99,997%	99,997%	99,996%
20	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát	Chăn nuôi gia cầm	100%	100%	99,999%	99,999%
21	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Đà Nẵng	Chăn nuôi gia súc gia cầm, hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,999%	99,999%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017
<i>Công ty con của Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</i>						
1	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	72,72%	72,72%	72,647%	72,647%
2	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Chí Thiện	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,899%	99,899%
3	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi An Châu	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,899%	99,899%
4	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vạn Thắng (iv)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	-	100%	-	99,899%
5	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Việt Hùng	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,899%	99,899%
6	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Đồng Phát	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,899%	99,899%
<i>Công ty con của Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát</i>						
7	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Thái Bình	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,966%	100%
8	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Hòa Bình	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,966%	99,949%
9	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,966%	99,949%
10	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Ninh Bình (iii)	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	-	100%	-	99,949%
11	Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Phú Thọ	Chăn nuôi lợn, trâu, bò, trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp, chế biến, bảo quản rau, quả, thịt và các sản phẩm từ thịt.	100%	100%	99,966%	99,949%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017
12	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Bắc Giang	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,966%	99,949%
13	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Lạng Sơn	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,966%	99,949%
	<i>Công ty con của Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát</i>					
14	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,999%	99,999%
15	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Đồng Nai	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,999%	99,999%
16	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vạn Thắng (iv)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	-	99,999%	-

(i) Đây là công ty con cấp 1 được Công ty chuyển nhượng cho Công ty CP Thép Hòa Phát và trở thành công ty con cấp 2 của Công ty trong kỳ.

(ii) Đây là công ty con mới thành lập trong kỳ.

(iii) Đây là công ty con đã giải thể trong kỳ.

(iv) Đây là công ty con cấp 3 được Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát chuyển nhượng cho Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát trong kỳ.

Các công ty con và công ty liên kết của Công ty đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 14.210 nhân viên (1/1/2017: 12.851 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **2.1 Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **2.2 Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

### **3.1 Cơ sở hợp nhất**

#### **(a) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

#### **(b) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) *Mất quyền kiểm soát***

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**(d) *Công ty liên kết***

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(e) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất***

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**(f) *Hợp nhất kinh doanh***

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**3.2 *Các giao dịch bằng ngoại tệ***

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**3.4 Các khoản đầu tư**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**3.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**3.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

*Hàng tồn kho được sản xuất và để bán*

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

*Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai*

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, các chi phí trực tiếp khác và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

### **3.7 Tài sản cố định hữu hình**

#### **(a) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, ngoại trừ chi phí đại tu và sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 3.11(b)), được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### **(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 50 năm
- máy móc và thiết bị 2 – 25 năm
- phương tiện vận chuyển 6 – 10 năm
- dụng cụ văn phòng 3 – 12 năm
- vật nuôi 4 năm
- tài sản cố định khác 3 – 12 năm

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3.8 Tài sản cố định vô hình**

**(a) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Đối với quyền sử dụng đất với thời hạn xác định, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 15 đến 50 năm. Khấu hao không được trích cho những quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định.

**(b) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 6 năm.

**3.9 Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(a) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Khấu hao không được trích cho những quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 49 năm

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3.10 Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh (i) các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và (ii) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi lợn và bò và gà giống đang lớn và chưa sẵn sàng tạo ra sản phẩm. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và trong giai đoạn con giống chưa sẵn sàng tạo ra sản phẩm.

**3.11 Chi phí trả trước dài hạn**

**(a) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(b) Chi phí đại tu, sửa chữa lớn**

Chi phí đại tu, sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

**(c) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(d) Chi phí giải phóng mặt bằng**

Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Tập đoàn chi trả. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3.12 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

**3.13 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**3.14 Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**3.15 Vốn cổ phần**

**(a) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(b) Thu hồi cổ phiếu thưởng cho người lao động làm cổ phiếu quỹ**

Khi thu lại cổ phiếu thưởng cho nhân viên đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của số cổ phiếu này được ghi tăng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã thu lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3.16 Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(a) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần, được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

**(b) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**3.17 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### **3.18 Doanh thu và thu nhập khác**

#### **(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

#### **(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

#### **(c) Doanh thu cho thuê lại đất thuê**

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Đất thuê đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho khách hàng, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho khách hàng;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch.

#### **(d) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(e) Doanh thu bán căn hộ**

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm hoàn thành bàn giao căn hộ.

#### **(f) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập từ lãi tiền gửi trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được bù trừ với chi phí đi vay đủ điều kiện vốn hóa, sau khi bù trừ phần chênh lệch còn lại ghi giảm giá trị đầu tư.

#### **(g) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

### **3.19 Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

### **3.20 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

### **3.21 Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

### **3.22 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan có thể là các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tập đoàn, các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan và công ty liên kết của Tập đoàn.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

#### **5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

#### **6. Các khoản mục bất thường**

Tập đoàn không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

#### **7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn**

Chi tiết của các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn được trình bày trong Thuyết minh 1.4.

#### **8. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất và kinh doanh thép: luyện gang thép, đúc gang, sắt, thép, buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép, sản xuất thép công nghiệp, bao gồm thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội, thép ống hàn, phôi thép, sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép, sản xuất máy rút thép sợi;
- Sản xuất công nghiệp khác: sản xuất thiết bị xây dựng và kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng, và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa; sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất và các sản phẩm điện lạnh.
- Bất động sản: xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng, đầu tư và xây dựng bộ hạ tầng kỹ thuật;
- Nông nghiệp: chăn nuôi lợn, bò, gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng nông nghiệp; các ngành phụ trợ liên quan khác; và
- Đầu tư tài chính (công ty mẹ): đầu tư dài hạn vào các công ty con và công ty liên kết.

Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Giám đốc xác định rằng, hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Sản xuất công nghiệp khác VND	Bất động sản VND	Nông nghiệp VND	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>							
Doanh thu thuần ra bên ngoài	18.054.388.127.861	1.341.005.027.054	469.159.786.720	1.012.283.888.008	-	-	20.876.836.829.643
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	10.837.715.396.708	145.766.325.958	38.306.825.244	22.035.441.347	13.483.260.000	(11.057.307.249.257)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>28.892.103.524.569</b>	<b>1.486.771.353.012</b>	<b>507.466.611.964</b>	<b>1.034.319.329.355</b>	<b>13.483.260.000</b>	<b>(11.057.307.249.257)</b>	<b>20.876.836.829.643</b>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	3.634.916.834.848	273.735.058.879	153.280.367.228	5.870.938.226	7.250.912.943.101	(7.281.818.717.578)	4.036.897.424.704
Thu nhập khác	198.664.302.783	3.700.219.191	4.768.312.380	665.163.689	2.877.026.834	(14.871.228.614)	195.803.796.263
Chi phí khác	(175.715.073.170)	(2.703.219.274)	(3.164.057.592)	(354.426.347)	(224.879.353)	224.879.521	(181.936.776.215)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(502.216.684.265)	(43.445.565.478)	(45.426.591.396)	(3.310.315.682)	-	-	(594.399.156.821)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(8.512.355.174)	333.363.873	17.513.276.952	(183.414)	-	8.101.614.002	17.435.716.239
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>3.147.137.025.022</b>	<b>231.619.857.191</b>	<b>126.971.307.572</b>	<b>2.871.176.472</b>	<b>7.253.565.090.582</b>	<b>(7.288.363.452.669)</b>	<b>3.473.801.004.170</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Sản xuất công nghiệp khác VND	Bất động sản VND	Nông nghiệp VND	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>							
Tài sản của bộ phận	33.011.686.818.948	2.186.011.174.286	2.604.732.407.967	3.650.385.451.563	1.308.705.717.027	(3.102.158.774.421)	39.659.362.795.370
Khoản đầu tư vào các công ty con	-	-	-	-	20.106.744.026.533	(20.106.744.026.533)	-
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	5.730.000.000	(2.608.466.580)	3.121.533.420
<b>Tổng tài sản</b>	<b>33.011.686.818.948</b>	<b>2.186.011.174.286</b>	<b>2.604.732.407.967</b>	<b>3.650.385.451.563</b>	<b>21.421.179.743.560</b>	<b>(23.211.511.267.534)</b>	<b>39.662.484.328.790</b>
<b>Nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>14.768.855.003.423</b>	<b>1.265.044.629.479</b>	<b>1.718.996.295.951</b>	<b>1.084.111.975.664</b>	<b>575.215.125.577</b>	<b>(2.689.184.320.500)</b>	<b>16.723.038.709.594</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>14.768.855.003.423</b>	<b>1.265.044.629.479</b>	<b>1.718.996.295.951</b>	<b>1.084.111.975.664</b>	<b>575.215.125.577</b>	<b>(2.689.184.320.500)</b>	<b>16.723.038.709.594</b>
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>							
Chi tiêu vốn	931.537.309.512	135.297.349.886	5.819.268.792	650.053.375.932	4.796.392.909	(24.284.204.205)	1.703.219.492.826
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	814.818.949.038	71.050.069.030	13.506.653.053	43.133.812.329	11.200.617.086	(5.335.422.143)	948.374.678.393
Khấu hao tài sản cố định vô hình	1.342.943.363	1.190.199.009	-	345.253.781	110.433.336	(6.106.115)	2.982.723.374
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	70.727.384.162	7.628.370.706	1.024.028.483	10.410.176.019	1.680.937.030	(394.292.210)	91.076.604.190

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Sản xuất công nghiệp khác VND	Bất động sản VND	Nông nghiệp VND	Dầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>							
Doanh thu thuần ra bên ngoài	13.103.506.721.641	1.285.397.066.491	195.918.478.506	605.814.201.135	-	-	15.190.636.467.773
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	8.326.664.319.709	73.825.916.278	121.418.395.347	612.205.182	13.339.200.000	(8.535.860.036.516)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>21.430.171.041.350</b>	<b>1.359.222.982.769</b>	<b>317.336.873.853</b>	<b>606.426.406.317</b>	<b>13.339.200.000</b>	<b>(8.535.860.036.516)</b>	<b>15.190.636.467.773</b>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	3.322.757.923.462	251.789.153.322	112.312.285.833	(58.259.370.938)	2.044.686.603.727	(2.102.809.763.974)	3.570.476.831.432
Thu nhập khác	199.280.564.517	22.657.544.526	21.768.549.478	46.236.277.878	3.737.766.621	(65.230.699.739)	228.450.003.281
Chi phí khác	(193.135.772.487)	(2.046.224.941)	(10.232.032.056)	(258.532.867)	(224.879.520)	120.556.668	(205.776.885.203)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(523.012.510.841)	(43.806.225.264)	(29.724.116.271)	-	-	-	(596.542.852.376)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	22.627.210.327	(1.822.079.528)	7.946.340.739	-	-	24.841.933.548	53.593.405.086
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>2.828.517.414.978</b>	<b>226.772.168.115</b>	<b>102.071.027.723</b>	<b>(12.281.625.927)</b>	<b>2.048.199.490.828</b>	<b>(2.143.077.973.497)</b>	<b>3.050.200.502.220</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Sản xuất công nghiệp khác VND	Bất động sản VND	Nông nghiệp VND	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>							
Tài sản của bộ phận	26.751.186.404.211	1.891.283.472.193	2.307.735.728.580	2.747.112.617.052	3.020.037.256.673	(3.494.074.548.567)	33.223.280.930.142
Khoản đầu tư vào các công ty con	-	-	-	-	11.158.244.026.533	(11.158.244.026.533)	-
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	5.730.000.000	(2.458.612.257)	3.271.387.743
<b>Tổng tài sản</b>	<b>26.751.186.404.211</b>	<b>1.891.283.472.193</b>	<b>2.307.735.728.580</b>	<b>2.747.112.617.052</b>	<b>14.184.011.283.206</b>	<b>(14.654.777.187.357)</b>	<b>33.226.552.317.885</b>
<b>Nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>14.311.560.655.203</b>	<b>715.761.060.879</b>	<b>985.915.041.210</b>	<b>551.060.317.625</b>	<b>211.460.052.426</b>	<b>(3.399.465.887.422)</b>	<b>13.376.291.239.921</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>14.311.560.655.203</b>	<b>715.761.060.879</b>	<b>985.915.041.210</b>	<b>551.060.317.625</b>	<b>211.460.052.426</b>	<b>(3.399.465.887.422)</b>	<b>13.376.291.239.921</b>
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>							
Chi tiêu vốn	853.136.579.362	42.846.470.845	14.013.625.569	362.511.327.181	7.062.440.000	(26.531.573.996)	1.253.038.868.961
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	697.167.039.184	60.793.975.758	12.948.377.022	3.793.466.828	10.135.020.215	(4.674.867.543)	780.163.011.464
Khấu hao tài sản cố định vô hình	1.036.581.970	918.103.203	-	29.079.040	110.496.258	(6.106.118)	2.088.154.353
Phần bổ chi phí trả trước dài hạn	203.997.270.902	6.492.780.668	494.287.128	2.776.529.690	2.212.965.334	(286.110.237)	215.687.723.485

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	10.158.466.027	12.684.178.304
Tiền gửi ngân hàng	679.068.474.730	544.238.535.663
Các khoản tương đương tiền	1.124.257.109.722	4.001.737.999.778
	<hr/>	<hr/>
	1.813.484.050.479	4.558.660.713.745
	<hr/>	<hr/>



## 10. Các khoản đầu tư tài chính

### 10.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	7.814.578.768.230	7.814.578.768.230	693.498.769.815	693.498.769.815
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	15.000.000.000	(*)	59.890.620.768	(*)

(i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 3,8% đến 7% (1/1/2017: 3,5% đến 7%) một năm.

(ii) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại các tổ chức tài chính, được hưởng lãi suất 6,7% (1/1/2017: 6,1% đến 6,8%) một năm.

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	30/6/2017			1/1/2017			
		Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty liên kết	TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	38,00%	38,00%	3.121.533.420	38,00%	38,00%	3.271.387.743	
▪ Đơn vị khác								
• Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	Bắc Ninh, Việt Nam	6,98%	6,98%	15.000.000.000	6,98%	6,98%	15.000.000.000	
• Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	7,00%	7,00%	700.000.000	7,00%	7,00%	700.000.000	
• Khác				2.128.365			2.128.365	
				15.702.128.365			15.702.128.365	
				18.823.661.785	(*)		18.973.516.108	(*)

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Hợp đồng hoán đổi hàng hóa	78.825.750.000	129.870.457.740
Lãi vay phải thu	110.036.919.144	16.797.595.647
Thuế xuất khẩu nộp trước	13.766.761.652	2.725.908.790
Vật tư mang đi gia công	1.432.588.119	7.615.163.731
Ký quỹ, ký cược	20.860.057.418	5.176.184.177
Phải thu khác	24.411.921.611	20.777.516.970
	249.333.997.944	182.962.827.055

**12. Hàng tồn kho**

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.249.352.271.132	66.244.289.689	1.544.293.431.711	92.954.347.922
Nguyên vật liệu	3.277.592.397.351	58.739.075.119	3.540.346.294.961	31.042.362.678
Công cụ và dụng cụ	1.094.252.244.669	540.833.797	973.951.292.560	1.794.923.018
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.609.520.708.560	-	827.918.323.538	-
Thành phẩm	3.753.954.309.768	19.244.732.749	3.372.947.849.974	16.753.673.196
Hàng hóa	185.793.558.587	2.028.219.999	96.143.598.451	1.754.907.363
Hàng gửi đi bán	83.088.420.086	-	35.875.103.679	-
	11.253.553.910.153	146.797.151.353	10.391.475.894.874	144.300.214.177

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.845.496 triệu VND (1/1/2017: 2.462.144 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 1.123.803 triệu VND giá trị hàng tồn kho (1/1/2017: 1.042.141 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Vật nuôi VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu kỳ	3.729.403.748.780	14.459.209.538.114	603.162.416.841	35.407.565.665	27.730.285.569	295.918.853	18.855.209.473.822
Tăng trong kỳ	19.874.635.729	45.562.969.754	39.659.416.744	4.446.446.132	-	207.621.255	109.751.089.614
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	284.472.957.549	209.272.903.188	43.952.727.750	1.503.203.277	154.213.426.755	-	693.415.218.519
Thanh lý và xóa sổ	(2.830.317.692)	(11.009.380.923)	(7.185.797.111)	(99.842.325)	-	-	(21.125.338.051)
Phân loại lại	(28.726.884.472)	26.544.428.412	2.205.346.887	(22.890.827)	(2.974.520.778)	2.974.520.778	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(4.052.083.329)	-	-	-	-	(4.052.083.329)
Biến động khác	(193.021.109)	(683.531.183)	(1.012.181.818)	-	-	-	(1.888.734.110)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.002.001.118.785</b>	<b>14.724.844.844.033</b>	<b>680.781.929.293</b>	<b>41.234.481.922</b>	<b>178.969.191.546</b>	<b>3.478.060.886</b>	<b>19.631.309.626.465</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu kỳ	1.101.511.575.699	5.004.177.319.997	237.733.888.161	23.238.810.947	440.770.542	295.918.853	6.367.398.284.199
Khấu hao trong kỳ	141.981.033.085	744.435.715.533	44.588.343.034	2.504.063.176	8.679.030.924	148.443.777	942.336.629.529
Thanh lý và xóa sổ	(1.393.532.494)	(10.761.121.678)	(5.901.333.285)	(99.842.325)	-	-	(18.155.829.782)
Phân loại lại	(2.363.040.525)	2.148.053.339	207.258.213	7.728.973	(41.312.788)	41.312.788	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(2.710.566.062)	-	-	-	-	(2.710.566.062)
Biến động khác	(2.970.289)	(165.565.421)	(25.585.763)	-	-	(1.077.430)	(195.198.903)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.239.733.065.476</b>	<b>5.737.123.835.708</b>	<b>276.602.570.360</b>	<b>25.650.760.771</b>	<b>9.078.488.678</b>	<b>484.597.988</b>	<b>7.288.673.318.981</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư đầu kỳ	2.627.892.173.081	9.455.032.218.117	365.428.528.680	12.168.754.718	27.289.515.027	-	12.487.811.189.623
Số dư cuối kỳ	2.762.268.053.309	8.987.721.008.325	404.179.358.933	15.583.721.151	169.890.702.868	2.993.462.898	12.342.636.307.484

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 1.258.588 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.337.495 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 3.971.494 triệu VND (1/1/2017: 2.972.111 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	206.055.346.072	8.414.461.450	1.500.909.664	215.970.717.186
Tăng trong kỳ	-	2.873.815.000	-	2.873.815.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.227.904.243	-	1.227.904.243
Biến động khác	-	901.230.853	-	901.230.853
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>206.055.346.072</b>	<b>13.417.411.546</b>	<b>1.500.909.664</b>	<b>220.973.667.282</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	28.235.470.341	3.585.653.366	1.500.909.664	33.322.033.371
Khấu hao trong kỳ	1.745.382.589	1.237.340.785	-	2.982.723.374
Biến động khác	-	24.966.668	-	24.966.668
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>29.980.852.930</b>	<b>4.847.960.819</b>	<b>1.500.909.664</b>	<b>36.329.723.413</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	177.819.875.731	4.828.808.084	-	182.648.683.815
Số dư cuối kỳ	176.074.493.142	8.569.450.727	-	184.643.943.869

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 6.530 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 2.679 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 78.121 triệu VND (1/1/2017: 75.978 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	229.847.499.360	15.780.994.600	245.628.493.960
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	42.871.576.380	-	42.871.576.380
Khấu hao trong kỳ	6.038.048.864	-	6.038.048.864
Số dư cuối kỳ	48.909.625.244	-	48.909.625.244
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	186.975.922.980	15.780.994.600	202.756.917.580
Số dư cuối kỳ	180.937.874.116	15.780.994.600	196.718.868.716

Bất động sản đầu tư là nhà cửa của Tập đoàn bao gồm nhà xưởng cho thuê tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam, một số tầng cho thuê của các tòa nhà tại 257 Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam và tại dự án Mandarin Garden, Hoàng Minh Giám, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất liên quan tới dự án Mandarin Garden. Quyền sử dụng đất này có thời hạn không xác định nên Tập đoàn không thực hiện trích khấu hao.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	1.107.960.762.975	4.339.188.508.885
Tăng trong kỳ	1.561.528.131.212	1.014.288.067.490
Tăng do mua công ty con	-	1.408.754.513
Giảm do giải thể công ty con cấp 2	(92.994.249)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(693.415.218.519)	(4.358.153.913.909)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.227.904.243)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(32.725.978.184)	(5.194.896.039)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(123.800.000)	-
Thanh lý	(2.484.238.579)	(3.973.465.362)
Biến động khác	(591.703.142)	(3273.742.846)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.938.827.057.271</b>	<b>984.289.312.732</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Khu liên hợp Gang thép tại Hải Dương	196.234.280.554	66.188.073.600
Dự án Mở rộng Nhà máy Ống thép	66.145.287.175	156.166.783.570
Dự án Nông nghiệp	1.018.658.573.503	768.103.096.522
Dự án Xây dựng Nhà máy Tôn	305.418.455.095	12.934.819.904
Khu liên hợp Gang thép tại Dung Quất	257.528.541.507	-
Các dự án khác	94.841.919.437	104.567.989.379
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.938.827.057.271</b>	<b>1.107.960.762.975</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí đại tu, sửa chữa lớn VND</b>	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Chi phí giải phóng mặt bằng VND</b>	<b>Chi phí trả trước khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	88.603.880.803	61.039.938.674	428.526.106.084	39.687.194.602	98.517.129.112	716.374.249.275
Tăng trong kỳ	34.528.878.548	6.334.426.717	29.066.457.000	196.570.225	9.778.680.235	79.905.012.725
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.341.517.267	-	-	-	-	1.341.517.267
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	209.450.757	6.985.221.728	17.980.705.569	7.261.311.876	289.288.254	32.725.978.184
Thanh lý	(11.344.448)	-	-	-	(138.602.000)	(149.946.448)
Phân bổ trong kỳ	(37.562.538.778)	(42.069.547.376)	(5.474.687.221)	(2.675.470.874)	(3.294.359.941)	(91.076.604.190)
Phân loại lại	3.935.576.492	2.660.783.276	(61.195.493)	-	(6.535.164.275)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>91.045.420.641</b>	<b>34.950.823.019</b>	<b>470.037.385.939</b>	<b>44.469.605.829</b>	<b>98.616.971.385</b>	<b>739.120.206.813</b>

**18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Chi phí phải trả	62.346.279.815	44.610.714.421
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ bán hàng tồn kho và bán tài sản cố định giữa các công ty trong Tập đoàn	82.086.289.186	81.652.198.271
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	71.001.385	1.060.191.477
<b>Tổng cộng</b>	<b>144.503.570.386</b>	<b>127.323.104.169</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Lợi thế thương mại**

	<b>Công ty CP Năng lượng Hòa Phát VND</b>	<b>Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Hòa Bình VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Giá gốc</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	206.244.396.684	4.367.130.430	211.190.371.418
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	135.777.561.151	-	136.356.405.455
Phân bổ trong kỳ	10.312.219.835	-	10.312.219.835
Số dư cuối kỳ	146.089.780.986	-	146.668.625.290
<b>Giá trị ghi sổ</b>			
Số dư đầu kỳ	70.466.835.533	4.367.130.430	74.833.965.963
Số dư cuối kỳ	60.154.615.698	4.367.130.430	64.521.746.128

**20. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Bù trừ với thuế được khấu trừ/số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	55.534.955.609	1.374.943.069.504	(1.329.943.156.839)	100.534.868.274
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.910.556.847	21.173.136.191	(17.826.246.757)	5.257.446.281
Thuế xuất nhập khẩu	26.560.167	53.347.259.336	(53.373.819.503)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	672.058.421.158	594.399.156.821	(880.043.113.575)	386.414.464.404
Thuế nhà thầu	1.616.550.235	6.142.641.669	(5.755.358.518)	2.003.833.386
Thuế thu nhập cá nhân	2.680.990.233	12.067.618.056	(12.403.052.156)	2.345.556.133
Thuế tài nguyên	5.794.335.116	46.584.521.574	(44.217.818.224)	8.161.038.466
Tiền thuê đất	605.697.378	6.560.515.562	(4.438.986.247)	2.727.226.693
Các loại thuế khác	4.194.688.714	27.179.156.522	(27.466.823.127)	3.907.022.109
	744.422.755.457	2.142.397.075.235	(2.375.468.374.946)	511.351.455.746



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Chi phí phải trả**

**21.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền điện	33.225.041.385	32.268.597.568
Chi phí khuyến mại	82.220.119.188	62.560.595.468
Chi phí lãi vay	17.800.932.603	16.930.433.412
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	1.388.340.138	1.388.340.138
Phí vận chuyển	5.948.384.005	5.920.240.515
Phí sử dụng thông tin thăm dò địa chất	1.422.758.863	1.422.758.863
Chi phí xây dựng cơ bản hình thành tài sản cố định	10.479.924.772	26.672.368.281
Lương và thưởng	537.135.588	2.517.176.890
Chi phí phải trả khác	11.463.296.528	9.925.921.394
	<hr/>	<hr/>
	164.485.933.070	159.606.432.529
	<hr/>	<hr/>

**21.2 Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng	5.400.000.000	3.600.000.000
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn đất khu công nghiệp	404.522.711.345	277.168.142.325
	<hr/>	<hr/>
	409.922.711.345	280.768.142.325
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Phải trả khác**

**22.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả Công ty TNHH RHI Retractories Asia-Pacific PTE	-	11.707.045.832
Nhận đặt cọc mua căn hộ	1.350.000.000	26.048.470.074
Phải trả Công ty CP Golden Gain Enterprises	4.508.188.221	3.756.425.917
Chi phí lãi vay	116.099.155	1.024.519.687
Cổ tức phải trả	3.462.887.791	1.387.646.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.383.330.000	1.517.880.000
Chiết khấu thương mại	48.261.266.675	63.864.160.176
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	15.950.737.578	12.992.955.133
Hàng mượn	537.527.805	1.770.771.360
Tài sản thừa chờ xử lý	3.691.336.409	82.156.074
Chi phí bảo lãnh	-	361.115.980
Tiền thu từ bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu liên quan đến đợt phát hành sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ (Thuyết minh 45.1)	10.758.940.000	-
Các khoản phải trả khác	23.488.578.803	16.090.090.173
	<b>117.508.892.437</b>	<b>140.603.236.406</b>

**22.2 Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ bảo trì căn hộ	114.359.617.425	110.699.629.045
Các khoản phải trả khác	8.246.450.397	7.859.540.154
	<b>122.606.067.822</b>	<b>118.559.169.199</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Vay****23.1 Vay ngắn hạn**

	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	5.488.170.638.894	5.488.170.638.894	17.203.159.568.568	(13.199.336.666.302)	9.491.993.541.160	9.491.993.541.160

Số dư vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm các khoản vay bằng VND và các khoản vay bằng USD với giá trị tương ứng là 9.165.819 triệu VND và 326.175 triệu VND (1/1/2017: 5.134.464 triệu VND và 353.707 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản vay ngắn hạn bằng VND và bằng USD với giá trị ghi sổ tương ứng là 5.904.957 triệu VND và 126.018 triệu VND (1/1/2017: 4.172.503 triệu VND và 334.194 triệu VND) được bảo đảm bằng một số hàng tồn kho (Thuyết minh 12), tài sản cố định (Thuyết minh 13 và 14), chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 17) và một số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“cổ phiếu HPG”) thuộc sở hữu của một số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty (bên liên quan).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được bảo đảm.

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất tương ứng từ 2,8% đến 5,5% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 3,8% đến 5%) một năm và từ 1,3% đến 2,5% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 1,2% đến 1,5%) một năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23.2 Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm (%)</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Vay từ cá nhân 1(*)	VND	11 - 11,5%	2018	250.000.000.000	450.000.000.000
Vay từ cá nhân 2 (*)	VND	9,6%	2019	150.000.000.000	150.000.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường 1 (*)	VND	6,8%	2025	12.200.000.000	12.200.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường 2 (*)	VND	3,6%	2020	3.000.000.000	-
PENM IV Germany GmbH & Co,KG	VND	3,5%	2018	-	360.000.000.000
				<b>415.200.000.000</b>	<b>972.200.000.000</b>

(\*) Các khoản vay dài hạn này từ bên thứ ba và không được đảm bảo.

**24. Dự phòng**

	<b>Chi phí bảo hành VND</b>	<b>Dự phòng khôi phục môi trường VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	24.517.503.757	9.235.894.531	33.753.398.288
Dự phòng lập trong kỳ	339.384.264	481.710.505	821.094.769
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(37.788.662)	-	(37.788.662)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(5.171.889.202)	-	(5.171.889.202)
Số dư cuối kỳ	<b>19.647.210.157</b>	<b>9.717.605.036</b>	<b>29.364.815.193</b>
Ngắn hạn	9.015.021.812	-	9.015.021.812
Dài hạn	10.632.188.345	9.717.605.036	20.349.793.381

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi và thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	399.761.246.105	349.360.107.894
Trích lập trong kỳ	398.481.582.484	47.762.949.267
Sử dụng trong kỳ	(151.831.724.951)	(107.095.680.914)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	646.411.103.638	290.027.376.247

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	7.329.514.190.000	674.149.437.068	(638.500.000)	891.436.091.839	5.549.332.356.102	22.916.810.301	14.466.710.385.310
Góp vốn của cổ đông không kiểm soát vào công ty con	-	-	-	-	-	55.457.499.765	55.457.499.765
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.047.844.176.835	2.356.325.385	3.050.200.502.220
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(47.762.949.267)	-	(47.762.949.267)
Công ty con trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.971.656.062)	(2.971.656.062)
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(322.500.000)	-	322.500.000	-	-
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(60.000.000)	-	(60.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	4.343.833.683	(161.576.054)	4.182.257.629
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	<b>7.329.514.190.000</b>	<b>674.149.437.068</b>	<b>(961.000.000)</b>	<b>891.436.091.839</b>	<b>8.554.019.917.353</b>	<b>77.597.403.335</b>	<b>17.525.756.039.595</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	<b>8.428.749.560.000</b>	<b>674.149.437.068</b>	<b>(1.093.000.000)</b>	<b>1.156.415.747.213</b>	<b>9.486.351.633.348</b>	<b>105.687.700.335</b>	<b>19.850.261.077.964</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.472.020.989.219	1.780.014.951	3.473.801.004.170
Hoàn nhập Quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-	-	(636.162.643.000)	635.838.392.188	324.250.812	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(398.481.582.484)	-	(398.481.582.484)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 28)	4.213.804.610.000	-	-	-	(4.213.804.610.000)	-	-
Công ty con trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(4.464.759.559)	(4.464.759.559)
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(282.020.000)	-	282.020.000	-	-
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(28.000.000)	-	(28.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	18.504.597.592	(146.718.487)	18.357.879.105
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>	<b>12.642.554.170.000</b>	<b>674.149.437.068</b>	<b>(1.375.020.000)</b>	<b>520.253.104.213</b>	<b>9.000.683.439.863</b>	<b>103.180.488.052</b>	<b>22.939.445.619.196</b>

(\*) Trong kỳ, Đại hội đồng Cổ đông/Hội đồng Thành viên của một số công ty con của Công ty đã thông qua việc hoàn nhập Quỹ đầu tư và phát triển về lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thực hiện phân chia cổ tức.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	1.264.255.417	12.642.554.170.000	842.874.956	8.428.749.560.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.264.255.417	12.642.554.170.000	842.874.956	8.428.749.560.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(137.502)	(1.375.020.000)	(109.300)	(1.093.000.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.264.117.915	12.641.179.150.000	842.765.656	8.427.656.560.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2017		30/6/2016	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ	842.765.656	8.427.656.560.000	732.887.569	7.328.875.690.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	421.380.461	4.213.804.610.000	-	-
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	(28.202)	(282.020.000)	(32.250)	(322.500.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.264.117.915</b>	<b>12.641.179.150.000</b>	<b>732.855.319</b>	<b>7.328.553.190.000</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Cổ tức**

Ngày 17 tháng 2 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2016 cho các cổ đông theo tỷ lệ 50% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thường được nhận 5 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức). Phương án chi trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 10 tháng 3 năm 2017 và đã được thực hiện trong Quý 1 và Quý 2 năm 2017.

**29. Quỹ đầu tư phát triển**

Hàng năm, Công ty và các công ty con trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế với mức trích lập không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn cổ phần của từng công ty.

**30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**30.1 Ngoại tệ**

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	353.715	8.476.371.528	934.178	21.275.266.611
EUR	29.580	760.925.211	31.521	748.312.306
		9.237.296.739		22.023.578.917

**30.2 Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	59.828.509.694.350	43.653.723.361.637
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	729.600.000.000	2.073.521.204.315
	60.558.109.694.350	45.727.244.565.952



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30.3 Cam kết hợp đồng thuê**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	4.638.933.832	4.638.933.832
Trong vòng hai đến năm năm	18.015.511.049	18.015.511.049
Sau năm năm	68.520.179.179	70.839.646.095
	91.174.624.060	93.494.090.976

**31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	20.735.769.910.186	15.212.285.301.530
▪ Cung cấp dịch vụ	35.499.069.828	32.239.033.148
▪ Doanh thu cho thuê lại đất thuê	373.853.411.955	19.112.908.334
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	20.764.125.380	15.391.774.364
▪ Doanh thu bán bất động sản	30.105.155.055	121.444.900.000
	21.195.991.672.404	15.400.473.917.376
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(301.617.302.849)	(190.470.134.945)
▪ Giảm giá hàng bán	(821.903.331)	(10.129.803.137)
▪ Hàng bán bị trả lại	(16.715.636.581)	(9.237.511.521)
	(319.154.842.761)	(209.837.449.603)
Doanh thu thuần	20.876.836.829.643	15.190.636.467.773

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	15.921.598.225.449	11.146.334.258.282
Dịch vụ đã cung ứng	15.778.748.786	20.172.280.577
Giá vốn của đất thuê	257.118.510.000	643.153.875
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	7.476.203.327	4.422.407.672
Giá vốn của bất động sản đã bán	19.912.448.237	67.590.713.792
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.496.937.176	(50.900.064.412)
	<b>16.224.381.072.975</b>	<b>11.188.262.749.786</b>

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn trích trước của hàng hóa thành phẩm bất động sản đã bán như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2017		30/6/2016	
	Thời gian chi phí	VND	Thời gian chi phí	VND
	dự kiến phát sinh		dự kiến phát sinh	
Dự án Khu công nghiệp				
Phố Nổi A	24 tháng	129.154.569.020	-	-

**33. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	53.363.784.249	79.906.904.123
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.036.678.200	32.917.774.605
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.448.675.014	117.931.535
Chiết khấu thanh toán	5.298.698.100	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.352.960	92.017.558
	<b>106.154.188.523</b>	<b>113.034.627.821</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	213.764.841.662	148.371.369.786
Chiết khấu thanh toán	5.588.822.000	7.122.693.536
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.326.025.067	17.889.517.705
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.326.580.398	15.250.128.920
Chi phí tài chính khác	293.823.728	204.060.745
	<b>258.300.092.855</b>	<b>188.837.770.692</b>

**35. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí quảng cáo	17.166.818.706	14.302.027.212
Chi phí nhân viên	38.005.880.214	23.481.963.998
Chi phí vận chuyển	107.792.179.035	70.625.800.802
Chi phí xuất khẩu	45.572.050.165	11.034.565.643
Chi phí khuyến mại	53.993.968.466	18.519.144.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bán hàng khác	68.360.227.993	59.075.425.541
	<b>330.891.124.579</b>	<b>197.038.927.854</b>

**36. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Phân bổ lợi thế thương mại	10.312.219.835	10.891.064.138
Chi phí nhân viên	77.272.364.612	80.483.128.868
Chi phí khấu hao	14.636.213.893	11.904.136.255
Phí, lệ phí	4.563.598.218	5.157.531.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác	25.587.052.172	50.588.353.658
	<b>132.371.448.730</b>	<b>159.024.214.496</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	3.060.497.328	17.831.123.680
Thu nhập từ bán điện, nước và cung cấp dịch vụ	180.700.395.031	194.131.804.503
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	3.345.254.054	8.683.869.240
Thu nhập khác	8.697.649.850	7.803.205.858
	<b>195.803.796.263</b>	<b>228.450.003.281</b>

**38. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	2.786.021.980	6.022.150.547
Giá vốn của điện, nước và các dịch vụ cung cấp	176.551.107.239	190.448.681.287
Chi phí khác	2.599.646.996	9.306.053.369
	<b>181.936.776.215</b>	<b>205.776.885.203</b>

**39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	13.583.721.087.273	9.229.324.748.810
Chi phí nhân viên	618.468.538.678	510.221.580.021
Chi phí khấu hao	956.832.088.988	785.868.912.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.199.909.960.413	774.183.046.116
Chi phí khác	1.632.439.788.585	1.067.084.194.974

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Thuế thu nhập**

**40.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	594.686.398.110	598.016.756.237
Thuế TNDN trích thừa năm trước	(287.241.289)	(1.473.903.861)
	<hr/>	<hr/>
	594.399.156.821	596.542.852.376
	<hr/>	<hr/>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(17.435.716.239)	(53.593.405.086)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế TNDN	576.963.440.582	542.949.447.290
	<hr/>	<hr/>

**40.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.050.764.444.752	3.593.149.949.510
	<hr/>	<hr/>
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ	7.077.926.613	10.351.759.611
Phân bổ lợi thế thương mại	10.312.219.835	10.891.064.138
Lỗ do mua bán công ty con giữa các công ty trong Tập đoàn	(239.450.000.000)	(125.033.940.570)
Lỗ được chia từ các công ty liên kết	149.854.323	(30.601.334)
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(134.000.000.000)
Phân bổ nhanh chi phí trả trước dài hạn	-	73.193.494.241
Giá vốn trích trước của bất động sản đã bán	53.212.902.920	40.930.714.705
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời khác	35.083.217.581	179.726.464.022
Thu nhập được miễn thuế	(51.596.808.621)	(137.734.604.415)
	<hr/>	<hr/>
	3.865.553.757.403	3.511.444.299.908
	<hr/>	<hr/>
Lỗ năm trước chuyển sang	(797.860.634)	(16.548.655.416)
	<hr/>	<hr/>
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (mang sang trang sau)</b>	3.864.755.896.769	3.494.895.644.492
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b> <b>(mang từ trang trước sang)</b>	3.864.755.896.769	3.494.895.644.492
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính theo thuế suất của Công ty	772.951.179.354	698.979.128.898
Ưu đãi thuế của các công ty con	(181.786.759.214)	(81.169.179.320)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(27.070.627.631)	(24.901.799.696)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con	30.592.605.601	5.108.606.355
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(17.435.716.239)	(53.593.405.086)
Thuế TNDN trích thừa năm trước	(287.241.289)	(1.473.903.861)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>576.963.440.582</b>	<b>542.949.447.290</b>

#### **40.3 Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, từ năm 2016 Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định trong các quy định thuế hiện hành.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***41. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

**41.1 Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 (Số cổ phiếu)	30/6/2016 (Số cổ phiếu) Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	842.765.656	732.887.569
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 28)	421.380.461	531.303.998
Ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	(28.202)	(73.652)
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ</b>	<b>1.264.117.915</b>	<b>1.264.117.915</b>

**41.2 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông (*)	3.472.020.989.219	3.047.844.176.835
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	1.264.117.915	1.264.117.915
	<b>2.747</b>	<b>2.411</b>

(\*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2017 phê duyệt ngày 11 tháng 3 năm 2017, mức trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 tối đa bằng 5% lợi nhuận sau thuế. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể giảm đi do việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi.

392  
 T  
 I  
 AN  
 I  
 UNG

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**41.3 Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 28) và thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND</b>
Số báo cáo trước đây	732.855.319	4.159
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	531.303.998	(1.748)
Ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	(41.402)	-
Số điều chỉnh lại	<u>1.264.117.915</u>	<u>2.411</u>

**42. Các công cụ tài chính**

**42.1 Quản lý rủi ro tài chính**

**(a) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**42.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2017 Triệu VND</b>	<b>1/1/2017 Triệu VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(a)	1.803.326	4.545.977
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và dài hạn	(b)	7.829.579	753.389
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn và dài hạn khác	(c)	2.047.322	1.696.289
Phải thu về cho vay dài hạn		2.500	2.500
		<hr/>	<hr/>
		11.682.727	6.998.155

**(a) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền gửi của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn và dài hạn khác**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở dưới đây, không cần thiết phải lập thêm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu chưa bị tổn thất như sau:

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Chưa quá hạn	1.985.076	1.561.831
Quá hạn từ 0 - 30 ngày	20.764	3.364
Quá hạn từ 31 - 180 ngày	448	15.135
Quá hạn trên 180 ngày	41.034	15.959
	<hr/>	<hr/>
	2.047.322	1.696.289
	<hr/>	<hr/>

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	41.339.337.971	41.276.739.619
Tăng dự phòng trong kỳ	120.452.010	720.713.056
Hoàn nhập trong kỳ	(425.383.328)	(658.114.704)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	41.034.406.653	41.339.337.971
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**42.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Hơn 5 năm Triệu VND
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>						
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn và dài hạn khác	3.880.933	3.880.933	3.867.287	13.646	-	-
Các khoản vay	9.907.194	10.061.825	9.586.901	454.250	5.570	15.104
	13.788.127	13.942.758	13.454.188	467.896	5.570	15.104
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>						
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn và dài hạn khác	4.004.409	4.004.409	3.992.949	11.460	-	-
Các khoản vay	6.460.371	6.560.375	5.548.040	841.085	155.317	15.933
	10.464.780	10.564.784	9.540.989	852.545	155.317	15.933

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn và duy trì hạn mức tín dụng vay từ một số ngân hàng trong nước.

**42.4 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	353.715	934.178
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	348.240	96.889
Phải trả người bán ngắn hạn	(123.406.467)	(82.816.025)
Vay ngắn hạn	(14.217.639)	(15.497.547)
	<hr/>	<hr/>
	(136.922.151)	(97.282.505)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	<b>Tỷ giá tại ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
USD/VND	22.700	22.824
	<hr/>	<hr/>

**(b) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất cố định</b>		
Tài sản tài chính	8.953.836	4.755.127
Nợ phải trả tài chính	(9.907.194)	(6.460.371)
	<hr/>	<hr/>
	(953.358)	(1.705.244)
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Tập đoàn không có công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi nên việc thay đổi lãi suất không ảnh hưởng tới lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**42.5 Giá trị hợp lý**

**(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	7.814.579	7.814.579	693.499	693.499
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	15.000	(*)	59.891	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.813.484	1.813.484	4.558.661	4.558.661
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	2.026.787	2.026.787	1.680.616	1.680.050
- Phải thu về cho vay dài hạn và phải thu dài hạn khác	23.035	(*)	18.173	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	18.824	(*)	18.974	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(3.867.287)	(3.867.287)	(3.992.949)	(3.992.949)
- Chi phí phải trả dài hạn và phải trả dài hạn khác	(13.646)	(*)	(11.460)	(*)
- Các khoản vay	(9.907.194)	(9.713.522)	(6.460.371)	(6.428.839)
	(2.076.418)		(3.434.966)	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

*Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn*

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

*Nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn*

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
<b>Thành viên của Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thưởng	4.841.536.981	4.417.982.381
Thù lao	2.624.000.000	2.624.000.000

**44. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.213.804.610.000	-
Nhận góp vốn từ cổ đông không kiểm soát bằng tài sản	-	55.447.499.765

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**45. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

**45.1 Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**

Sau khi kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty đã thực hiện chào bán thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 252.823.583 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành này là 15.170.790 triệu VND. Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để đầu tư Dự án Khu liên hợp Sản xuất Gang thép Hòa Phát Dung Quất và bổ sung vốn lưu động cho Tập đoàn.

**45.2 Tăng vốn góp vào công ty con**

Sau khi kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc tăng vốn tại Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất với số vốn góp tăng thêm là 5.000.000 triệu VND.

Người lập: **25 -08- 2017**

Người duyệt: *[Signature]*

*[Signature]*

Nguyễn Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

*[Signature]*

Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



*[Vertical Stamp]*

*[Vertical Stamp]*